

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 63/2021/HSST

Ngày: 12/03/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà: Lê Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Tùng, bà Phạm Thị Tố Tâm

Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Đức Bảo
- chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Thành phố Vinh. Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/HSST ngày 04/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1972. Nơi sinh: Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: xóm 8, xã K, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12.

Con ông: Nguyễn Văn T - Đã chết

Con bà: Phạm Thị H - Đã chết

Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình.

Vợ: Võ Thị Bích L - Sinh năm: 1971

Con: Có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con bé nhất sinh năm 2011.

Đều trú tại: Xóm 8, xã K, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/7/1992 bị TAND tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Chấp hành ra trại tháng 10/1994. Ngày 01/01/1995 bị TAND tỉnh Nghệ An xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Chấp hành ra trại tháng 12/2000. Ngày 10/01/2003 bị TAND huyện Nghi Lộc xử phạt 42 tháng tù về tội “Lưu hành tiền giả”; Chấp hành ra trại tháng 8/2005. Ngày 18/9/2008 bị TAND huyện Hưng Nguyên xử phạt 16 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 19/9/2012 bị TAND Thành phố Vinh xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp với 16 tháng tù của bản án số 42 ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án

là 4 năm 4 tháng tù. Ngày 21/9/2012 bị TAND huyện Hưng Nguyên xử phạt 9 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 28/01/2013 bị TAND Thành phố Vinh xử phạt 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung 4 năm 4 tháng tù của bản án số 411/2012 ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh và 09 tháng tù của bản án số 34/2021 ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 3 bản án là 6 năm 4 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ra trại tháng 02/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2020 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An đến nay (có mặt).

Người bị hại: anh Nguyễn Ngọc B – sinh năm 1992

Trú tại: xóm 7, xã K, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1 Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1986

Trú tại khối 12, phường Q, thành phố Vinh, Nghệ An - vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thùy D - sinh năm 1978.

Trú tại xóm 5, xã K, thành phố Vinh, Nghệ An - vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: chị Võ Thị Bích L (vợ bị cáo)

Trú tại: xóm 8, xã K, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An - có mặt

Luật sư bào chữa cho bị cáo: luật sư Lê Đăng Tế - Cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 16/02/2020, Nguyễn Văn T đang có mặt ở nhà và quan sát qua Camera giám sát thấy anh Nguyễn Ngọc B (sinh năm 1992, trú tại xóm 7, xã K, thành phố Vinh, Nghệ An) đi xe máy đến dừng phía trước cửa, sau đó vòng qua vòng lại nhiều lần trước khu vực nhà của mình. Tại thời điểm này chị Võ Thị Bích L (sinh năm 1971) là vợ của T không có mặt ở nhà nhưng do nghi ngờ B đến để quan hệ tình ái với vợ mình nên T gọi điện cho chị L hỏi là ai, đến để làm gì thì chị L trả lời đó là anh B đến để hỏi chị L vay tiền nhưng T không tin nên nói chị L gửi số điện thoại của anh B cho T. Sau đó T đã gọi điện thoại cho anh B và yêu cầu anh B đến nhà gặp T để nói chuyện, T có nói với anh B rằng “nếu mi không đến tau giết cả cha mi đó”. Do lo sợ nên sau đó anh B có nhờ bà Cao Thị H (sinh năm 1958, trú tại xóm 7, xã K, thành phố Vinh, Nghệ An) là chị em bạn con gì của T gọi điện nói với T là B đến để vay tiền chứ không có mục đích khác nhưng T không tin mà tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu anh B phải đến nhà gặp T. Khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày, thấy anh B đi xe máy đến, T bấm mở khóa cổng tự động cho anh B vào sau đó đóng khóa cửa cổng lại rồi yêu cầu anh B đi vào phòng ngủ tại tầng 1 để T hỏi chuyện. Tại đây, sau khi kiểm tra máy điện thoại di động của anh B và thấy có nhiều cuộc gọi và tin nhắn giữa anh B và chị L vào lúc đêm khuya, gần sáng nên T cho rằng giữa B và chị L có mối quan hệ tình ái với nhau. Trong lúc bức xúc, T đã tát vào mặt anh B và hỏi “Vợ tau thuê mi cây mấy tiền”, ý nói là quan hệ sinh lý. Anh B trả lời rằng chỉ gọi điện, nhắn tin để vay

tiền chứ không phải vậy nhưng T không tin nên tiếp tục đánh anh B và dùng chiếc dùi cui điện ném nhưng không trúng. Anh B liên tục xin T đừng đánh nữa và xin về nhưng T nói “Mi không nói thật tau giết cả nhà mi chứ không phải chắt mi mô” mục đích để B khai rõ có mối quan hệ tình ái với chị L nhưng anh B không thừa nhận mà trình bày rằng chỉ liên hệ với chị L để vay mượn tiền. Sau đó T tiếp tục sử dụng 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại (loại súng đồ chơi nguy hiểm) dí vào đầu anh B đe dọa rằng “Tau cho mi ăn 04 viên đạn vào đầu”. Do quá lo sợ nên anh B đã quỳ xuống xin T tha mạng, T vẫn tiếp tục tra hỏi anh B rằng “Hắn thuê mi ngủ với hắn à”, “Mi ngủ với vợ tau mấy lần rồi”, anh B nói “không có chuyện đó” thì bị T đá, đập vào đầu. Quá trình sau đó T có lấy dao ra tiếp tục đe dọa, tra khảo nhưng anh B vẫn không thừa nhận, mặt khác anh B đã nhiều lần xin T cho về nhưng T không đồng ý mà tiếp tục buộc anh B đi vào một phòng khác tại tầng 2, yêu cầu anh B ở trong phòng để tiếp tục tra hỏi. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày chị L về, T chửi chị L nên chị L đã bỏ đi gọi đầu. Khoảng 18 giờ cùng ngày do có anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1951, trú tại xóm 8, xã K, thành phố Vinh) đến can ngăn nên lúc này mới đồng ý để cho anh B ra về.

Khoảng 10 giờ 00 ngày 13/7/2020, quá trình thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam và khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh đã phát hiện thu giữ tại phòng ngủ của T 01 (một) gói giấy màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy đá). Tại Bản kết luận giám định số 1066/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 24/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu các hạt tinh thể màu trắng thu giữ tại phòng ngủ của Nguyễn Văn T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine), có khối lượng là 0,400g. Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T khai nhận gói ma túy mà Cơ quan điều tra thu giữ là do T mua của một người đàn ông không quen biết tại bến xe Bắc Vinh với giá 500.000đ để sử dụng vào khoảng 20 giờ ngày 10/7/2020.

Ngoài các hành vi trên, quá trình điều tra Nguyễn Văn T còn khai nhận hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

Trong thời gian từ ngày 31/01/2019 đến ngày 07/10/2019, Nguyễn Văn T đã 02 lần cho chị Nguyễn Thị Kim T (sinh năm 1986, trú tại khối 12, phường Q, thành phố Vinh, Nghệ An) vay tổng số tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) với lãi suất cao, thu lợi số tiền 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng), cụ thể: Ngày 31/01/2019, chị Nguyễn Thị Kim T đến nhà Nguyễn Văn T đặt vấn đề vay số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) trong thời hạn 01 tháng thì T đồng ý cho vay số tiền trên và tính lãi suất trong thời hạn 01 tháng là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), do cần tiền để giải quyết công việc nên chị T đã đồng ý vay và chịu mức lãi suất nêu trên. Trước khi giao tiền, T yêu cầu chị T viết cho T 01 tờ giấy xác nhận có nhận của T số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) nhưng không ghi là vay tiền mà ghi nội dung là nhận tiền để xin việc cho con của T. Đến ngày 30/02/2019, chị T đã trả cho T số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) bao gồm cả gốc và lãi nói trên. Ngày 07/10/2019, chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục

đến nhà gặp Nguyễn Văn T đặt vấn đề vay số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) trong thời hạn 01 tháng thì T đồng ý và tính lãi suất trong thời hạn 01 tháng là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng). Do cần tiền để giải quyết công việc nên chị T đã đồng ý vay số tiền với lãi suất nêu trên, sau đó T yêu cầu chị T viết giấy xác nhận với nội dung: Chị T có nhận của T số tiền 137.000.000đ (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) để làm thủ tục cho con gái của T đi du học Hàn Quốc nhưng chị T chỉ được nhận số tiền 110.000.000đ. Đến ngày 06/11/2019, Chị T đã trả cho T số tiền 137.000.000đ (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) bao gồm cả gốc và lãi nói trên.

T tự như trên, trong thời gian từ ngày 11/9/2018 đến ngày 27/5/2019, Nguyễn Văn T còn cho chị Nguyễn Thùy D (sinh năm 1978, trú tại xóm 5, xã K, thành phố Vinh, Nghệ An) vay tiền 05 lần với tổng số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) với lãi suất cao. Tính từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2020, do còn thiếu T số tiền 40 triệu đồng (Nợ gốc) nên hàng tháng chị D đều phải trả lãi suất cao, do vậy T đã thu lợi số tiền 74.800.000đ (Bảy mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng), cụ thể:

Ngày 11/9/2018, chị Nguyễn Thùy D đến nhà Nguyễn Văn T đặt vấn đề vay của T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trong thời gian 01 tháng. T đồng ý và đưa ra mức lãi suất là 5.000đ/ 01 triệu đồng/ 01 ngày. Do cần tiền để giải quyết công việc nên chị D đã đồng ý vay, trước khi giao tiền T yêu cầu chị D viết cho T 01 tờ giấy biên nhận tiền số tiền 30 triệu đồng. Khi giao tiền T cắt lãi 4.500.000đ và chỉ đưa cho chị D số tiền 25.500.000đ (Hai lăm triệu năm trăm nghìn đồng), đến thời hạn 01 tháng sau chị D đã trả cho T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

Ngày 21/01/2019, do cần số tiền 10.000.000đ để giải quyết công việc nên chị D lại tìm đến nhà gặp T đặt vấn đề vay số tiền trên thì được T đồng ý và tính mức lãi suất là 1.800.000đ/ 01 tháng. Sau đó, T yêu cầu chị D viết giấy nhận tiền và ghi nội dung là nhận số tiền 12.000.000đ để T cắt lãi 1.800.000đ, chị D viết giấy để lại cho T và nhận số tiền 10.200.000đ. Đến thời hạn 01 tháng sau, chị D đã trả cho T số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng);

Ngày 21/02/2019, chị D tiếp tục đến nhà gặp T đặt vấn đề vay của T số tiền 20.000.000đ thì được T đồng ý và tính mức lãi suất là 5.000đ/ 01 triệu đồng/ 01 ngày. Chị D có viết giấy nhận tiền để lại cho T, sau đó T cắt lãi 3.000.000đ trong thời gian 01 tháng và giao cho chị D số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Đúng 01 tháng sau chị D đã trả cho T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

Ngày 02/3/2019, chị D tiếp tục đến nhà gặp T đặt vấn đề vay của T số tiền 10.000.000đ thì được T đồng ý và cũng tính mức lãi suất là 5.000đ/ 01 triệu đồng/ 01 ngày và sẽ cắt lãi trước số tiền 1.500.000đ trong thời gian 01 tháng. Sau khi chị D viết cho T 01 tờ giấy nhận tiền với số tiền ghi là nhận 10 triệu đồng, T đã đưa cho chị D số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Đến thời hạn 01 tháng sau chị D đã trả cho T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Như vậy, qua 04 lần vay nói trên chị D đã vay của T tổng số tiền 72.000.000đ (Bảy hai triệu đồng) và phải trả tổng số tiền lãi cho T là 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng)

Ngày 27/5/2019, chị D tiếp tục đến nhà gặp T đặt vấn đề vay của T số tiền 40.000.000đ thì được T đồng ý và tính mức lãi suất là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) trong thời gian 01 tháng. T yêu cầu chị D viết cho T 01 tờ giấy ghi là nhận số tiền 40 triệu đồng nhưng khi giao tiền T cắt lãi 08 triệu đồng và chỉ giao cho chị D số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Đến ngày 26/6/2019, do không có tiền để trả nên chị D gặp T tH lượng để tiếp tục vay số tiền trong thời gian dài và sẽ trả lãi suất hàng tháng thì được T đồng ý và hạ mức lãi suất xuống 6.000.000đ/01 tháng. Sau đó, tính từ tháng 06/2019 đến tháng 06/2020, mỗi tháng chị D đều trả cho T 4.000.000đ tiền lãi và nợ lại mỗi tháng là 2.000.000đ tiền lãi. Tính đến thời điểm tháng 6/2020, chị D đã phải trả cho T số tiền lãi đối với khoản vay 40 triệu trên là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Đến tháng 7/2020, T bị bắt nên chị D không trả tiền lãi nhưng tháng 08/2020, do T có nói chị Võ Thị Bích L (Vợ của T) hỏi số tiền nợ của chị D nên trong tháng 8/2020, chị D đã gửi vào tài khoản số 51010001081926 của chị Võ Thị Bích L để trả tiền lãi tháng 7 và tháng 8/2020 mỗi tháng 4.000.000đ cho T. Đến ngày 04/9/2020, chị D tiếp tục gửi vào số tài khoản trên số tiền 20.000.000đ để trả bớt số tiền gốc. Tính đến này chị D đã trả cho T số tiền lãi đối với khoản vay 40 triệu đồng là 68.000.000đ, cộng với số tiền lãi trong 4 lần vay trước thì số tiền mà T thu lợi là 78.800.000đ. Hiện chị D đã trả hết cho T số tiền 40.000.000đ tiền gốc.

Trong thời gian ngắn Nguyễn Văn T đã cho chị Nguyễn Thị Kim T vay tổng số tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) với lãi suất cao từ 180% đến 264%/01 năm, thu lợi số tiền 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng); cho chị Nguyễn Thùy D vay tổng số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) với lãi suất cao từ 180% đến 264%/01 năm, thu lợi số tiền 78.800.000đ (Bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Trong khi đó bản thân Nguyễn Văn T chỉ là cá nhân không phải là tổ chức tín dụng được nhà nước công nhận nên việc T cho người khác vay tiền theo hình B cho vay tín chấp, có thỏa thuận phải tuân thủ trần lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 13,5%/ 01 năm. Trường hợp vay có thỏa thuận như đã nói ở trên là không được quá 20%/ 01 năm. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì mức lãi suất tối đa mà T được phép thu của khách hàng trong trường hợp cho vay nói trên là 20%/01 năm, T đương mức lãi suất cao nhất T được thu của khách trong thời gian 01 tháng là 1,66%. Vì vậy, khoản tiền lãi tối đa mà Nguyễn Văn T được hưởng khi cho chị Nguyễn Thị Kim T vay số tiền trên là 2.739.000đ (Hai triệu bảy trăm ba chín nghìn đồng) và khoản tiền lãi tối đa mà Nguyễn Văn T được hưởng khi cho chị Nguyễn Thùy D vay số tiền trên là 11.819.200đ (Mười một triệu tám trăm mười chín nghìn đồng). Qua đó cho thấy, số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho chị Nguyễn Thị Kim T vay nói trên là 31.261.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm sáu một nghìn đồng); số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho chị Nguyễn Thùy D vay nói trên là 66.980.800đ (Sáu sáu

triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng). Tổng số tiền mà Nguyễn Văn T đã thu lợi bất chính từ việc cho chị Nguyễn Thị Kim T và chị Nguyễn Thùy D vay nói trên là 98.241.800đ (*Chín tám triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng*).

Tại Bản kết luận giám định số 117/KL-PC09(Đ3) ngày 02/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Khẩu súng thu giữ của Nguyễn Văn T là súng bắn các viên bi tròn bằng lực đẩy của khí nén – thuộc đồ chơi nguy hiểm – không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng tH tự vũ khí quân dụng. Hiện tại khi lắp đạn (là các viên bi cỡ 4,5mm) vào súng còn sử dụng để bắn được. Khi dùng súng bắn đạn vào cơ thể người không gây sát tH.

Tại Bản kết luận giám định số 1066/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 24/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu các hạt tinh thể màu trắng thu giữ tại phòng ngủ của Nguyễn Văn T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine), có khối lượng là 0,400g.

Cáo trạng số 37/CT – VKSTP ngày 28/12/2020 của VKSND thành phố Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Giữ người trái pháp luật", "Tàng trữ trái phép chất ma túy", "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm khoản 1 Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn T từ 6 – 9 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật"; từ 12 – 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội từ 18 – 24 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khẩu súng ngắn màu nâu đen đã qua sử dụng. Trên thân súng ghi bằng chữ nước ngoài và ký hiệu đọc được là K-17. 01 (một) gói ma túy (Methamphetamine) thu giữ của Nguyễn Văn T.

Đối với số tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) Nguyễn Văn T cho chị Nguyễn Thị Kim T vay và số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) bị cáo cho chị Nguyễn Thị Thùy D vay là công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vị luật sư bào chữa cho bị cáo không có tranh luận gì về tội danh, điều khoản mà VKS truy tố. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức hình phạt do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Người bị hại anh Nguyễn Ngọc B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình sinh sống tại địa pH đã có công cứu giúp người bị nạn. Bản thân bị cáo bị hạn chế khả năng nhận B và điều khiển hành vi theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị xét xử bị cáo mức án thấp nhất mà VKS đề nghị.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, mà chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời trình bày của người đại diện hợp pháp, lời khai người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra đã được đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm có căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 40 ngày 16/02/2020, tại nhà Nguyễn Văn T thuộc xóm 8, xã K, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Văn T đã có hành vi “Giữ người trái pháp luật” đối với anh Nguyễn Ngọc B bằng hình B sử dụng 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại (loại súng đồ chơi nguy hiểm) dí vào đầu anh B đe dọa, đánh đập vào đầu. Đến ngày 17/02/2020, anh Nguyễn Ngọc B đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên. Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, qua xác minh xác định Nguyễn Văn T là đối tượng đã nhiều lần bị pháp luật xử lý. Vì vậy, khoảng 10 giờ 00 ngày 13/7/2020, quá trình thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam và khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh đã phát hiện thu giữ tại phòng ngủ của T 01 (một) gói giấy màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (ngghi là ma túy đá). T khai nhân đó là ma túy mua về để sử dụng.

Tại Cơ quan CSĐT, Nguyễn Văn T còn khai nhận trong thời gian từ ngày 31/01/2019 đến ngày 07/10/2019, Nguyễn Văn T đã 02 lần cho chị Nguyễn Thị Kim T vay tổng số tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) với lãi suất cao, thu lợi số tiền 31.261.000.000đ (Ba mươi một triệu, hai trăm sáu một ngàn đồng). T tự như trên, trong thời gian từ ngày 11/9/2018 đến ngày 27/5/2019, Nguyễn Văn T còn cho chị Nguyễn Thùy D vay tiền 05 lần với tổng số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) với lãi suất cao. Tính từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2020, do còn thiếu T số tiền 40 triệu đồng (Nợ gốc) nên hàng tháng chị D đều phải trả lãi suất cao, do vậy T đã thu lợi số tiền 74.800.000đ (Bảy mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng). Qua đó cho thấy, số tiền T thu lợi bất chính từ

việc cho chị Nguyễn Thị Kim T vay nói trên là 31.261.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm sáu một nghìn đồng); số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho chị Nguyễn Thùy D vay nói trên là 66.980.800đ (Sáu sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng). Tổng số tiền mà Nguyễn Văn T đã thu lợi bất chính từ việc cho chị Nguyễn Thị Kim T và chị Nguyễn Thùy D vay nói trên là 98.241.800đ (*Chín tám triệu, hai trăm bốn một nghìn, tám trăm đồng*). Các hành vi nêu trên mà bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện đã phạm vào các tội "Giữ người trái pháp luật", "Tàng trữ trái phép chất ma túy", "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét về tính chất vụ án: vụ án vừa thuộc loại nghiêm trọng vừa thuộc loại nghiêm trọng, hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an T xã hội. Ngoài ra hành vi bắt giữ người trái pháp luật của bị cáo đã xâm phạm đến xâm phạm quyền tự do thân thể của con người là một trong những nội dung quan trọng của quyền tự do của con người cũng như quyền tự do, dân chủ của công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Gây mất trật tự trị an và gây bất bình, lo lắng trong đời sống nhân dân. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã 7 lần bị xét xử về các tội "Đánh bạc", "Lưu hành tiền giả"; " Trộm cắp tài sản"; " Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học răn mình, tu dưỡng bản thân mà nay lại tiếp tục phạm tội và thuộc trường hợp phạm nhiều tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm. Việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: không có

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình sinh sống tại địa pH có công cứu người bị nạn, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bản thân bị cáo là người bị hạn chế hạn chế khả năng nhận B và điều khiển hành vi. Các tình tiết đó được quy định tại điểm b,s,q khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51 BLHS.

Đối với số tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) Nguyễn Văn T cho chị Nguyễn Thị Kim T vay và số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng) bị cáo cho chị Nguyễn Thị Thùy D vay là pH tiện phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi Nguyễn Văn T cho chị Nguyễn Thị Kim T vay theo quy định của BLDS là: 2.739.000đ, Chị Nguyễn Thị Thùy D số tiền theo quy định của BLDS là: 7.819.200đ theo quy định cần truy thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với

số tiền T cho chị Nguyễn Thị Kim T vay vượt quá quy định 31.261.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm sáu một nghìn đồng) và cho chị Nguyễn Thị Thùy D vay vượt quá quy định là số tiền 66.980.800đ (Sáu sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng) cần buộc bị cáo T trả cho chị T, chị D.

[5].Về tang vật: Áp dụng c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khẩu súng ngắn màu nâu đen đã qua sử dụng. Trên thân súng ghi bằng chữ nước ngoài và ký hiệu đọc được là K-17. 01 (một) gói ma túy (Methamphetamine) thu giữ của Nguyễn Văn T.

[6].Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 điều 249, khoản 1 điều 257, khoản 1 điều 201, điểm b, s,q khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 55 BLHS, xử phạt: Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy; 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Giữ người trái pháp luật”; 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 3 tội là 18 (Mười tám) tháng tù, phạt tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/7/2020.

Về tang vật: căn cứ điều 47, điểm a, b khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khẩu súng ngắn màu nâu đen đã qua sử dụng thuộc loại đồ chơi nguy hiểm. 01 (một) gói ma túy (Methamphetamine) thu giữ của Nguyễn Văn T các vật chứng trên có đặc điểm như phiếu nhập kho vật chứng số NK2021/161 ngày 10/3/2021.

Truy thu ở Nguyễn Văn T số tiền 257.000.000đ (Hai trăm năm bảy triệu đồng) là pH tiện phạm tội và 10.558.200 (Mười triệu, năm trăm năm tám ngàn, hai trăm đồng) tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách nhà nước. Buộc Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim T lãi vay vượt quá quy định 31.261.000đ (Ba mươi một triệu, hai trăm sáu một nghìn đồng) và hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D số tiền lãi vay vượt quá quy định là số tiền 66.980.800đ (Sáu sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng).

Về án phí: - Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, luật sư, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Vinh;
- VKSND Tỉnh NA
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Công an TP Vinh;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Bị cáo; Lưu HS

Lê Thị Hoài

